

*Bá Thước, ngày 13 tháng 8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2019/TLST/ HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N; Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn C, xã BC, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T; Sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Thôn C, xã BC, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81,82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T có 02 con chung là cháu Đinh Văn S, sinh ngày 07/11/2005 và cháu Đinh Thị T, sinh ngày 10/11/2011. Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Thị T cho đến tuổi thành

niên. Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Văn S cho đến tuổi thành niên. Chị Nghệ và anh Thiết không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T thống nhất không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn T tự nguyện thỏa thuận: Chị Bùi Thị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ. Trả lại cho chị Nghệ 150.000đ tại biên lai thu số: AA/2018/0005107 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND;
- .....
- UBND xã Ban Công;
- Lưu Hs.

**THẨM PHÁN**

**Trương Văn Sừng**



